

Bản án số: **09/2021/HS-ST**  
Ngày: 03/12/2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Quốc Phong.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Quốc Thìn.  
Ông Nguyễn Thanh Thống.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Tương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn tham gia phiên tòa:* Ông Huỳnh Tấn Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 03/12/2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2021/TLST-HS ngày 21 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

**LÊ THỊ XUÂN V**, sinh năm 1970 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: thôn A, xã BTH, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: không có nghề nghiệp ổn định; giới tính: nữ; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 11/12; con ông: Lê B (đã chết) và bà Từ Thị H (đã chết) chồng: Nguyễn T, sinh năm 1966; con: 02 con, sinh năm 1991 và sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 22/11/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử và tuyên phạt bị cáo 05 năm tù giam về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và đến ngày 01/12/2016 được đặc xá về địa phương.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/3/2021 đến nay. Bị cáo đang giam có mặt tại phiên tòa.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn T, sinh năm 1966, có mặt.

Nơi cư trú: Thôn A, xã BTH, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

*Người làm chứng:*

Bà Lý Thị V, sinh năm 1960.

Anh Lê Văn L, sinh năm 1990.

Cùng nơi cư trú: Thôn TH 1, xã BÐ, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Điều vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

**Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:**

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 28/3/2021, Lê Thị Xuân V, sinh năm 1970, trú tại thôn A, xã BTH (sau đây gọi tắt là V) đang ở thôn T, xã BT, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi thì nhận được một cuộc điện thoại của một người đàn ông tự xưng là khách đang hát karaoke với nhân viên của V tên là Nh tại quán karaoke CA (thuộc xóm CH, thôn TH 1, xã BÐ, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi) hỏi mua ma túy để cùng nhân viên của V sử dụng. Lúc này, người đàn ông hỏi V “*Bà có “đồ” (ma túy) và còn nhân viên không? Bảo nó mang đến quán karaoke CA chơi cùng với tôi và nhân viên của bà*”; Lê Thị Xuân V hỏi “*bao nhiêu?*” thì người khách trả lời “*12 viên kẹo và 06 chấm khay*” (tức mười hai viên thuốc lắc và sáu tép ma túy tổng hợp), V hỏi tiếp “*Bao nhiêu người mà nhiều vậy?*” thì người khách trả lời “*06 người và em út nữa*” thì V nói “*Ừ, chờ xíu*”.

Sau đó, V gọi cho Q (là tiếp viên Karaoke mà V quen biết trước đây) và V hỏi Q “*có rảnh không đi tiếp khách?*” thì Q nói với V “*Lấy đồ và đem đến trước đi, Q đến sau*”.

Sau đó, V dùng điện thoại di động gọi điện cho một người tên T1 mà V đã quen trước đó và T1 hỏi “*Có gì không?*” thì V nói với T1 “*Có đồ để cho 12 con và 06 chấm khay cho nhân viên đi làm phòng hát*”. T1 nói “*Có*”; V hỏi “*bao nhiêu?*” thì T1 trả lời “*8.700.000đồng*”. Tiếp đó, T1 và V hẹn gặp nhau tại khu vực đèn xanh đèn đỏ ở Ngã tư xã BTH để nhận ma túy.

Sau đó, V điều khiển xe máy mang biển số 76C1-649.XX đến Ngã tư chính thuộc xã BTH, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Tại đây, V gặp một người thanh niên đang đứng và V hỏi “*Phải T1 không?*”, người thanh niên trả lời “*Ừ*”, V đưa cho người này số tiền là 8.700.000đồng và người thanh niên đưa ma túy cho V.

V cầm ma túy trên tay và điều khiển xe đi. Trên đường đi, V lấy một chiếc khẩu trang y tế bỏ ma túy vào và gói lại. Sau đó, V cầm khẩu trang có gói ma túy trên tay và điều khiển xe máy 76C1-649.XX đến cổng quán Karaoke CA thì bị Lực lượng Biên phòng bắt giữ.

Cùng ngày, Đoàn biên phòng Bình Thạnh ra Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở trọ của Lê Thị Xuân V nhưng không thu giữ đồ, vật tài liệu gì.

Ngày 29/3/2021, Đoàn Biên phòng Bình Thạnh ra Quyết định Trưng cầu Giám định số 07/QĐ-TCGD để giám định: chất rắn dạng tinh thể màu trắng chứa trong 06 túi ni lông, 05 viên nén màu nâu và 07 viên nén màu hồng phấn đã thu giữ khi bắt Lê Thị Xuân V.

Ngày 31/3/2021, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi có Kết luận Giám định số 303/KLGĐ - PC09 kết luận:

- *Chất rắn dạng tinh thể màu trắng chứa trong 06 túi nilong bên trong phong bì gửi giám định là ma túy; loại Ketamine; khối lượng mẫu 1,91 gam;*

- *05 viên nén màu nâu bên trong phong bì gửi giám định là ma túy; loại MDMA; khối lượng mẫu 2,22 gam;*

- *07 viên nén màu hồng phấn bên trong phong bì gửi giám định là ma túy; loại MDMA; khối lượng mẫu 2,44 gam;*

*Tổng khối lượng mẫu, loại MDMA bên trong phong bì gửi giám định là 4,66 gam.*

**MDMA** là chất ma túy nằm trong danh mục I, STT 27; Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

**Ketamine** là chất ma túy nằm trong danh mục III, STT 35, Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Căn cứ điểm b khoản 02, Điều 5, Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 thì tỷ lệ phần trăm khối lượng các chất ma túy so với mức tối thiểu của từng chất là  $(4,66\text{gam}/5\text{gam} \times 100\%) + (1,91\text{gam}/20\text{gam} \times 100\%) = 102,75\%$  (trên 100%) nên tiếp tục tính tỷ lệ phần trăm theo qui định tại điểm b khoản 03 Điều 5 của Nghị định này.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 5, Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 thì tỷ lệ phần trăm khối lượng các chất ma túy so với mức tối thiểu của từng chất là  $(4,66\text{gam}/30\text{gam} \times 100\%) + (1,91\text{gam}/100\text{gam} \times 100\%) = 17,44\%$  (dưới 100%) nên hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” của Lê Thị Xuân V thuộc điểm n, khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại Bản cáo trạng số: 70/CT-VKS-BS ngày 20/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố bị cáo Lê Thị Xuân V về tội “**Tàng trữ trái phép chất ma túy**” theo điểm n khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi giữ nguyên Quyết định truy tố đối với bị cáo Lê Thị Xuân V về tội “**Tàng trữ trái phép chất ma túy**” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm n khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Thị Xuân V mức án từ **07 năm đến 08 năm tù**.

**Về hình phạt bổ sung:** Vì Lê Thị Xuân V có hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung.

- Đối với người tên là Nh: Tại Cơ quan điều tra bị cáo V khai nhận trước khi bị bắt giam, V có quen biết với người con gái tên là Nh là tiếp viên hát karaoke. Ngày 28/3/2021, sau khi nghe người khách mua ma túy nói đang ngồi hát karaoke với Nh tại quán karaoke CA nên đã đi mua ma túy đem đến quán để cho khách và Nh sử dụng. Lê Thị Xuân V chỉ biết Nh quê ở Bình Định chứ không rõ lai lịch nhân thân và chỗ ở cụ thể của người này và cũng không biết Nh thuê trọ và làm việc ở những quán nào. Căn cứ lời khai của Lê Thị Xuân V, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại quán karaoke CA và địa phương nhưng không có kết quả nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

- Đối với người tên Q: Trước khi bị bắt, bị cáo V quen biết Q vì Q làm nghề tiếp viên, quê ở Hải Dương nhưng không rõ họ tên và lai lịch cụ thể và V nghe nói Q làm tiếp viên ở quán karaoke ĐT do bà Trần Thị S, sinh năm 1977, ở thôn A, xã BTH làm chủ. Căn cứ lời khai của Lê Thị Xuân V, Cơ quan điều tra tiến hành xác minh về lai lịch của Q nhưng không có kết quả. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh và có hướng xử lý sau.

- Đối với người tên T1: Theo lời khai của bị cáo V thì hành vi của T1 đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, V biết T1 là do Q và Nh giới thiệu nhưng không biết chỗ ở cụ thể của người này nên Cơ quan điều tra chưa có cơ sở xác minh về T1 và sẽ tiếp tục xác minh làm rõ để xử lý sau.

- Ngày 12/5/2021, Cơ quan điều tra có gửi công văn số 114/CSĐT đến Công ty Viễn thông Viettel Quảng Ngãi để tra cứu trích xuất cuộc gọi, xác định chủ sở hữu các số thuê bao gọi đến số điện thoại của bị cáo V trong ngày 28/3/2021 nhằm để có cơ sở xác minh lai lịch nhân thân của T1, Q và người đàn ông điện thoại cho bị cáo hỏi mua ma túy. Tuy nhiên, đến nay Công ty Viễn thông Viettel chưa có kết quả trả lời cho Cơ quan điều tra. Do vậy, Cơ quan điều tra tiếp tục phối hợp với Công ty Viễn thông Viettel để có hướng xử lý tiếp theo.

Hành vi của Lê Thị Xuân V có dấu hiệu của tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại Điều 251 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra không có đủ tài liệu, chứng cứ để khởi tố bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, mà chỉ đủ chứng cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, được quy định tại khoản 02 Điều 249 Bộ luật hình sự như nêu trên.

#### **Về xử lý vật chứng:**

- Trong quá trình bắt giữ Lê Thị Xuân V, Cơ quan điều tra tạm giữ 05 (năm) viên nén màu nâu có kích thước giống nhau với chiều dài 01cm, dày 0,4cm, 07 (bảy) viên nén màu hồng phấn có kích thước giống nhau với chiều dài 01cm, dày 0,4cm; 06 (sáu) túi ni lông màu trắng kích thước (02 x 2,5)cm. Toàn bộ số tang vật trên, Đoàn biên phòng Bình Thạnh đã Trưng cầu Giám định tại Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi và kết luận là ma túy. Sau đó, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi hoàn trả lại cho Cơ quan điều tra trong một phong bì số 303/PC09 (GD-2021) và có chữ ký của ông Võ Quốc Vương, Trần Hoàng Nam, Nguyễn Quốc Tường, Nguyễn Hà Phương và của bị cáo Lê Thị Xuân V, trên phong bì có ghi chữ “*mẫu vật hoàn trả sau giám định*” đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tiêu hủy số tang vật trên.

- Đối với chiếc xe máy mang biển số 76C1-649.XX, nhãn hiệu YAMAHA, màu xám, số máy E32VE-079236, số khung RLCUE 3720RY018481: Qua xác minh xác định chiếc xe trên do Lê Thị Xuân V mua và đăng ký tại Công an huyện Bình Sơn vào ngày 06/02/2020, đến ngày 28/3/2021, Lê Thị Xuân V đã sử dụng chiếc xe trên để đi mua ma túy. Vì chiếc xe mô tô nói trên được mua trong thời kỳ hôn nhân và tại phiên tòa ông Nguyễn T – chồng bị cáo V cũng xác định là có đóng góp tiền vào việc mua xe nên xe máy mang biển số 76C1-

649.XX là tài sản chung của vợ chồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước  $\frac{1}{2}$  giá trị chiếc xe mô tô nói trên.

- Đối với chiếc điện thoại di động hiệu NOKIA, màu đen (có sim số 0982.776.444; 0969.196.572) và chiếc điện thoại di động hiệu IPHONE 6S, màu vàng (có sim số 0967.979956) theo bị cáo khai nhận đã dùng hai chiếc điện thoại trên liên lạc với khách và nhân viên trong việc trao đổi mua bán ma túy. Do vậy Hội đồng xét xử cần tuyên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 02 điện thoại di động nói trên. Riêng đối với các thẻ sim có số thuê bao: 0982.776.444; 0969.196.572; 0967.979956 của Lê Thị Xuân V sử dụng vào việc liên lạc mua ma túy nên đề nghị đưa vào lưu trữ trong hồ sơ vụ án (đã chuyển theo hồ sơ vụ án).

- Đối với giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Thị Xuân V: Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

*Ý kiến bào chữa, tranh luận của bị cáo:* Bị cáo không có tranh luận gì.

*Ý kiến tranh luận của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Không có tranh luận gì.

*Lời nói sau cùng của bị cáo:* Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

**Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:**

### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

**[1.1]** Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; người tham gia tố tụng khác cung cấp là phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

**[1.2]** Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

### **[2] Về nội dung vụ án:**

**[2.1]** Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Lê Thị Xuân V khai nhận khoảng 20 giờ 30 phút ngày 28/3/2021, bị cáo đang ở nhà trọ tại thôn T, xã BT, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi thì nhận được một cuộc điện thoại của một người đàn ông tự xưng là khách đang hát karaoke với nhân viên của V tên là Nh tại quán karaoke CA thuộc xóm CH, thôn TH 1, xã BÐ, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi hỏi mua ma túy gồm 12 viên kẹo và 06 chấm khay (tức mười hai viên thuốc lắc và sáu tép

ma túy tổng hợp) thì V đồng ý rồi dùng điện thoại di động gọi điện cho một người tên T1 hỏi mua số ma túy nói trên với giá 8.700.000đồng và hẹn gặp nhau tại khu vực đèn xanh đèn đỏ ở Ngã tư xã BTH để nhận ma túy. Sau đó, V điều khiển xe máy mang biển số 76C1-649.XX đến Ngã tư chính thuộc xã BTH, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi gặp người thanh niên tên T1, đưa cho T1 số tiền là 8.700.000đồng và T1 đưa ma túy cho V. Sau khi nhận được ma túy V cầm trên tay và lái xe đi, đi được 1 đoạn thì V dừng lại và bỏ ma túy một chiếc khẩu trang và gói lại rồi tiếp tục cầm cầm khẩu trang có gói ma túy nói trên điều khiển xe máy 76C1-649.XX đến cổng quán Karaoke CA thì bị Lực lượng Biên phòng bắt giữ và thu giữ toàn bộ số ma túy như nêu trên, sau đó Lực lượng Biên phòng khám nhà, nơi thuê trọ nhưng đều không thu giữ được gì. Đối với Kết luận Giám định số 303/KLGD-PC09 ngày 31/3/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi về khối lượng, chủng loại ma túy thu giữ trên người của bị cáo khi bị cáo bị bắt quả tang thì bị cáo đồng ý không có ý kiến gì.

Toàn bộ lời khai của bị cáo tại phiên tòa như trên hoàn toàn phù hợp với lời nhận tội của bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng được thu giữ, Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản khám xét và các chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án như Cáo trạng truy tố.

Căn cứ Điều 5 Nghị định 19/2018/NĐ-CP, ngày 02/02/2018 của Chính phủ thì hành vi phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo Lê Thị Xuân V như trên đã đủ yếu tố cấu thành tội: *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”* theo quy định tại điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự như Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2.2] Xét tính chất hành vi phạm tội do bị cáo Lê Thị Xuân V gây ra là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi nhưng lười lao động, đã xâm phạm trực tiếp đến chế độ độc quyền quản lý chất gây nghiện của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương, là một trong những nguyên nhân làm gia tăng các tệ nạn xã hội và các bệnh xã hội, làm suy thoái đạo đức của một bộ phận thanh thiếu niên. Hiện nay, tình trạng tội phạm về ma túy nói chung đang có xu hướng ngày càng tăng nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm đối với bị cáo để giáo dục bị cáo và góp phần ổn định tình hình an ninh trật tự của địa phương các xã Bình Thạnh, Bình Đông, Bình Thuận nói riêng và huyện Bình Sơn nói chung.

[2.3] Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo có một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Xét về nhân thân bị cáo: Ngày 22/11/2013, bị cáo Lê Thị Xuân V bị Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử và tuyên phạt 05 năm tù giam về tội *“Mua bán trái phép chất ma túy”* và đến ngày 01/12/2016 được đặc xá về địa phương, bị cáo đã không lấy đó làm bài học để tu chí, làm ăn lương thiện mà lại nghiện ma túy, hám lợi và tiếp tục phạm tội thể hiện bị cáo là

người có ý thức pháp luật kém nên trong quá trình lượng hình Hội đồng xét xử cần cân nhắc áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc để bị cáo có thời gian học tập, cải tạo bản thân cũng như ngăn ngừa phạm tội.

**[2.4]** Về hình phạt bổ sung: bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

**[2.5]** Về một số vấn đề khác:

**[2.5.1]** Đối với người tên là Nh: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận bị cáo làm nghề môi giới tiếp viên hát karaoke, cụ thể khi các quán karaoke có nhu cầu tiếp viên hát karaoke thì gọi điện thoại cho bị cáo, sau đó bị cáo sẽ điện thoại cho các tiếp viên hát karaoke mà bị cáo biết và được ăn hoa hồng là 20.000đồng/giờ mà tiếp viên hát karaoke phục vụ nên bị cáo quen biết Nh vì Nh là tiếp viên karaoke. Ngày 28/3/2021, sau khi nghe người khách mua ma túy nói đang ngồi hát karaoke với Nh tại quán karaoke CA và có nhu cầu sử dụng ma túy thì bị cáo V đã đi mua ma túy đem đến quán để cho khách và Nh sử dụng và Nh cũng là người trước đó giới thiệu T1 (người bán ma túy cho V). Bị cáo V chỉ biết Nh là tiếp viên karaoke, không biết địa chỉ, năm sinh, tên họ đầy đủ của người này, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại quán karaoke CA và địa phương nhưng không có kết quả nên Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh và có hướng xử lý sau.

**[2.5.2]** Đối với người tên Q: Cùng giống như Nh, Q cũng là tiếp viên karaoke nên bị cáo quen biết và thông qua Q giới thiệu thì bị cáo V biết T1. Tuy nhiên, bị cáo chỉ biết Q làm nghề tiếp viên, quê ở Hải Dương nhưng không rõ họ tên và lai lịch cụ thể và V nghe nói Q làm tiếp viên ở quán karaoke ĐT do bà Trần Thị S, sinh năm 1977, ở thôn A, xã BTH làm chủ; Cơ quan điều tra tiến hành xác minh về lai lịch của Q nhưng không có kết quả. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh và có hướng xử lý sau.

**[2.5.3]** Đối với người tên T1: Theo lời khai của bị cáo V thì hành vi của T1 đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, V biết T1 là do Q1 và Nh giới thiệu nhưng không biết chỗ ở cụ thể, quê quán, tên họ đầy đủ, năm sinh của T1 nên Cơ quan điều tra chưa có cơ sở xác minh về T1 và sẽ tiếp tục xác minh làm rõ để xử lý sau.

**[2.5.4]** Ngày 12/5/2021, Cơ quan điều tra có gửi công văn số 114/CSĐT đến Công ty Viễn thông Viettel Quảng Ngãi để tra cứu trích xuất cuộc gọi, xác định chủ sở hữu các số thuê bao gọi đến số điện thoại của bị cáo V trong ngày 28/3/2021 nhằm để có cơ sở xác minh lai lịch nhân thân của T1, Q và người đàn ông điện thoại cho bị cáo hỏi mua ma túy. Tuy nhiên, đến nay Công ty Viễn thông Viettel chưa có kết quả trả lời cho Cơ quan điều tra. Do vậy, Cơ quan điều tra tiếp tục phối hợp với Công ty viễn thông Viettel để có hướng xử lý tiếp theo.

**[2.5.5]** Hành vi của Lê Thị Xuân V có dấu hiệu của tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại Điều 251 Bộ luật hình sự tuy nhiên, trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra không có đủ tài liệu chứng cứ để khởi tố bị cáo về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, mà chỉ đủ chứng cứ để truy cứu trách nhiệm

hành sự về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, được quy định tại điểm n khoản 02 Điều 249 Bộ luật hình sự như nêu trên là đúng quy định của pháp luật.

## **[2.6] Về xử lý vật chứng:**

**[2.6.1]** Đối với 05 (năm) viên nén màu nâu có kích thước giống nhau với chiều dài 01cm, dày 0,4cm, 07 (bảy) viên nén màu hồng phấn có kích thước giống nhau với chiều dài 01cm, dày 0,4cm; 06 (sáu) túi ni lông màu trắng kích thước (02 x 2,5)cm thu giữ khi bắt quả tang Lê Thị Xuân V, sau khi giám định Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi hoàn trả lại cho Cơ quan điều tra trong một phong bì số 303/PC09 (GD-2021) và có chữ ký của ông Võ Quốc Vương, Trần Hoàng Nam, Nguyễn Quốc Tường, Nguyễn Hà Phương và của bị cáo Lê Thị Xuân V, trên phong bì có ghi chữ “mẫu vật hoàn trả sau giám định” Hội đồng xét xử cần tuyên tiêu hủy số tang vật trên.

**[2.6.2]** Đối với chiếc xe máy mang biển số 76C1-649.XX, nhãn hiệu YAMAHA, màu xám, số máy E32VE-079236, số khung RLCUE 3720RY018481: Qua xác minh xác định chiếc xe trên do Lê Thị Xuân V mua và đăng ký tại Công an huyện Bình Sơn vào ngày 06/02/2020, đến ngày 28/3/2021, Lê Thị Xuân V đã sử dụng chiếc xe trên để đi mua ma túy.

Tại Bản kết luận điều tra vụ án hình sự số 161/KLĐT ngày 10/10/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Sơn xác định bị cáo V sử dụng xe mô tô biển số 76C1-649.XX là phương tiện đi lại, từ khi bị cáo mua ma túy của người có tên T1 đến khi bị bắt quả tang thì bị cáo không có cất giấu trên xe mà đều cầm trên tay nên đề nghị trả lại xe mô tô nói trên cho bị cáo V.

Tại Bản cáo trạng số 70/CT-VKS-BS ngày 20/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa xác định bị cáo sử dụng xe mô tô nói trên vào việc mua ma túy, tuy nhiên vì là tài sản chung của vợ chồng nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu nộp ngân sách nhà nước  $\frac{1}{2}$  giá trị chiếc xe mô tô biển số 76C1-649.XX.

Tại phiên tòa ông Nguyễn T là chồng của bị cáo Lê Thị Xuân V trình bày tiền mua chiếc xe mô tô nói trên là tiền của vợ chồng và mua trong thời kỳ hôn nhân, để cho bị cáo V đứng tên đăng ký làm phương tiện đi lại phục vụ quán cơm, ông không biết việc bị cáo sử dụng xe mô tô biển số 76C1-649.XX đi mua ma túy và ông T có nguyện vọng xin được nhận lại chiếc xe để phục vụ cho việc đi lại của ông cũng như gia đình.

Hội đồng xét xử thấy rằng số tiền mua xe mô tô biển số 76C1-649.XX có sự đóng góp của chồng bị cáo V là ông Nguyễn T, tài sản được hình thành trong thời kỳ hôn nhân; mặc khác tài liệu có trong hồ sơ đều thể hiện từ khi bị cáo nhận ma túy từ người có tên T1 thì bị cáo cầm trên tay, sau đó giấu vào khẩu trang và tiếp tục cầm trong tay đến khi bị bắt quả tang trước quán karaoke CA thì bị cáo cũng đang cầm trong tay, không có cất giấu trong xe mô tô biển số 76C1-649.XX. Ngoài ra, mặc dù bị cáo có hành vi mua bán trái phép chất ma túy có dấu hiệu phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” nhưng Cơ quan điều tra không đủ tài liệu, chứng cứ khởi tố bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” mà chỉ khởi tố về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và Viện kiểm sát



nhân dân huyện Bình Sơn cũng truy tố bị cáo V về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” nên không có đủ cơ sở để tuyên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước chiếc xe mô tô biển số 76C1-649.XX mà cần tuyên trả lại cho bị cáo và ông Nguyễn T.

**[2.6.3]** Đối với chiếc điện thoại di động hiệu NOKIA, màu đen (có sim số 0982.776.444; 0969.196.572) và chiếc điện thoại di động hiệu IPHONE 6S, màu vàng (có sim số 0967.979956) theo bị cáo khai nhận đã dùng hai chiếc điện thoại trên liên lạc với khách và nhân viên trong việc trao đổi mua bán ma túy. Do vậy, Hội đồng xét xử cần tuyên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 02 điện thoại di động nói trên.

Riêng đối với các thẻ sim có số thuê bao: 0982.776.444; 0969.196.572; 0967.979956 của của Lê Thị Xuân V sử dụng vào việc liên lạc mua ma túy là chứng cứ có giá trị chứng minh tội phạm nên cần đưa vào lưu trữ trong hồ sơ vụ án (đã chuyển theo hồ sơ vụ án).

**[2.6.4]** Đối với giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Thị Xuân V: Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

**[3]** Xét ý kiến đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn: Đề nghị áp dụng pháp luật; tội danh; hình phạt chính; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ; nhân thân; hình phạt bổ sung; về xử lý vật chứng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Riêng về đề nghị xử lý vật chứng là xe mô tô biển số 76C1-649.XX là chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

**[4]** Xét yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo: Yêu cầu của bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo tương ứng với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được áp dụng.

**[5]** Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**[6]** Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Căn cứ điểm n khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lê Thị Xuân V phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Xuân V **07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù**, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 28/3/2021.

**2.** Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lê Thị Xuân V.

**3. Về xử lý vật chứng:** Căn cứ Điều 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

**3.1.** Tuyên tịch thu cho tiêu hủy 05 (năm) viên nén màu nâu có kích thước giống nhau với chiều dài 01cm, dày 0,4cm, 07 (bảy) viên nén màu hồng phấn có kích thước giống nhau với chiều dài 01cm, dày 0,4cm; 06 (sáu) túi ni lông màu trắng kích thước (02 x 2,5)cm thu giữ khi bắt quả tang Lê Thị Xuân V, sau khi giám định Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi hoàn trả lại cho Cơ quan điều tra trong một phong bì số 303/PC09 (GD-2021) và có chữ ký của ông Võ Quốc Vương, Trần Hoàng Nam, Nguyễn Quốc Tường, Nguyễn Hà Phương và của bị cáo Lê Thị Xuân V, trên phong bì có ghi chữ “*mẫu vật hoàn trả sau giám định*”.

**3.2** Tuyên trả lại cho ông Nguyễn T và bị cáo Lê Thị Xuân V chiếc xe mô tô mang biển số 76C1-649.XX, nhãn hiệu YAMAHA, màu xám, số máy E32VE-079236, số khung RLCUE 3720RY018481.

**3.3** Tuyên tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động hiệu NOKIA và chiếc điện thoại di động hiệu IPHONE 6S. Tất cả vật chứng, tài sản trên đều có đặc điểm như Biên bản giao, nhận vật chứng, tài sản ngày 29/11/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn.

Riêng đối với các thẻ sim có số thuê bao: 0982.776.444; 0969.196.572; 0967.979956 của Lê Thị Xuân V (đã chuyển theo hồ sơ vụ án) đưa vào lưu trữ theo hồ sơ vụ án.

**4. Về án phí:** Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên buộc bị cáo Lê Thị Xuân V có nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

**5. Về quyền kháng cáo:** Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 03/12/2021).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm đối với phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 03/12/2021).

**Nơi nhận:**

- TAND; VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Công an; VKS; CCTHA huyện B.Sơn;
- UBND xã BTH (thay Thông báo);
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Quốc Phong**